

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 14 năm 10 năm 2010)
Ông Lê Hồng Thái	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chung Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 9 năm 2010)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 01 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

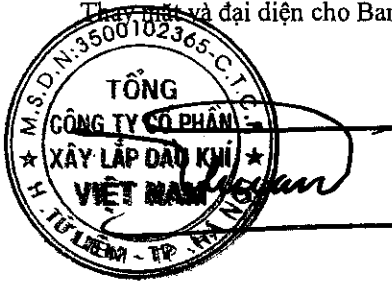
2011
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
ELO
TỔNG
GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

10 - C.
TY
HỮU HẠP
TE
AM
HÀ

Số: 490 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 4 đến trang 31. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.963.940.778.260	1.805.715.269.920
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	200.898.593.241	180.002.052.267
1. Tiền	111		190.898.593.241	180.002.052.267
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	450.378.533.699	26.911.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		474.289.083.699	26.911.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(23.910.550.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	2.203.282.671.413	1.222.439.526.759
1. Phải thu khách hàng	131		701.210.001.978	254.193.394.159
2. Trả trước cho người bán	132		677.033.777.784	669.013.408.483
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		36.550.462.929	139.325.126.974
4. Các khoản phải thu khác	135		815.629.424.582	168.050.566.402
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(27.140.995.860)	(8.142.969.259)
IV. Hàng tồn kho	140	8	78.562.256.710	295.908.674.042
1. Hàng tồn kho	141		78.562.256.710	298.705.705.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.797.031.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.818.723.197	80.453.516.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		203.921.844	3.913.746.757
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.483.503.231	53.802.794.558
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		783.720	19.562.162
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.130.514.402	22.717.413.375
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		3.011.299.574.919	2.005.878.133.382
I. Tài sản cố định	220		185.068.893.653	319.636.616.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	47.722.100.632	269.723.981.278
- Nguyên giá	222		58.481.514.935	322.831.230.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.759.414.303)	(53.107.248.847)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	5.070.366.760	6.054.845.056
- Nguyên giá	225		6.123.828.270	6.123.828.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.053.461.510)	(68.983.214)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.776.762.133	403.060.216
- Nguyên giá	228		3.222.537.140	593.009.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(445.775.007)	(189.949.574)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	129.499.664.128	43.454.729.780
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.672.201.908.791	1.499.978.556.590
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	1.276.112.577.054	371.962.220.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	815.041.320.420	795.851.069.532
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	582.477.617.233	334.565.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.429.605.916)	(2.399.732.942)
III. Tài sản dài hạn khác	260		154.028.772.475	186.262.960.462
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	149.981.593.277	186.133.623.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.047.179.198	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	129.336.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.975.240.353.179	3.811.593.403.302

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.253.595.681.456	2.113.946.306.056
I. Nợ ngắn hạn	310		3.114.587.327.030	1.981.818.256.672
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.365.018.071.693	369.844.940.792
2. Phải trả người bán	312		603.125.980.900	337.690.905.623
3. Người mua trả tiền trước	313		764.868.828.391	735.038.544.955
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	15.417.323.100	45.559.733.821
5. Phải trả người lao động	315		19.447.333.819	18.137.836.847
6. Chi phí phải trả	316	19	140.758.279.104	233.144.081.821
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	204.777.080.838	239.731.871.188
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.174.429.185	2.670.341.625
II. Nợ dài hạn	330		139.008.354.426	132.128.049.384
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	71.892.579.058	115.214.942.770
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		14.237.741.742	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		351.728.600	141.222.049
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		52.526.305.026	16.771.884.565
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		2.721.644.671.723	1.697.647.097.246
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.721.644.671.723	1.697.647.097.246
1. Vốn điều lệ	411		2.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.654.858.520	17.178.449.520
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.056.876.120	7.556.876.120
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	455.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		182.932.937.083	172.456.771.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.975.240.353.179	3.811.593.403.302

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
1. Nợ khó đòi đã xử lý	9.716.217.233	9.667.586.524
2. Ngoại tệ các loại (USD)	801.225	1.891.931
3. Ngoại tệ các loại (EUR)	8	-



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.585.012.691.805	2.156.087.108.032
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	(553.507.969)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	3.584.459.183.836	2.156.087.108.032
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.124.591.873.746	1.977.732.782.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		459.867.310.090	178.354.325.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	388.923.895.015	163.445.059.427
7. Chi phí tài chính	22	26	101.730.275.226	24.483.257.281
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.853.876.760	16.382.594.006
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		304.705.523.650	110.518.563.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		442.355.406.229	206.797.563.854
11. Thu nhập khác	31		128.892.071.297	3.227.276.536
12. Chi phí khác	32		15.841.238.427	1.812.516.036
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	113.050.832.870	1.414.760.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		555.406.239.099	208.212.324.354
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	109.323.645.244	32.735.915.354
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		10.190.562.544	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		435.892.031.311	175.476.409.000
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.157	1.170



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	555.406.239.099	208.212.324.354
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.441.144.328	28.100.747.417
Các khoản dự phòng	03	39.493.146.621	5.013.216.096
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(683.187.321)	(30.917.812)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(381.107.897.914)	(147.806.282.170)
Chi phí lãi vay	06	61.853.876.760	16.382.594.006
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	281.403.321.573	109.871.681.891
(Tăng) các khoản phải thu	09	(12.773.586.473)	(681.662.809.863)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	220.143.448.886	(154.878.963.835)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(265.720.429.926)	900.793.342.677
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	39.861.855.198	(3.840.769.697)
Tiền lãi vay đã trả	13	(61.073.312.986)	(16.382.594.006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(128.300.328.345)	(2.964.473.575)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(17.269.988.391)	(29.051.447.136)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	56.270.979.536	121.883.966.456
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(107.251.203.180)	(85.026.871.441)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.911.500.000	80.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.513.399.166.380)	(469.243.427.977)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	183.629.000.000	69.133.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	271.908.748.914	28.963.811.458
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(1.138.201.120.646)	(376.173.487.960)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	1.000.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	1.750.955.330.610	932.529.396.165
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.248.128.648.526)	(865.252.305.050)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(400.000.000.000)	(29.312.859.517)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	1.102.826.682.084	37.964.231.598
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	20.896.540.974	(216.325.289.906)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	180.002.052.267	396.327.342.173
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	200.898.593.241	180.002.052.267

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 116.116.569.559 VND (năm 2009 là 24.017.506.066 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được ghi chú trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 532/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam") đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.500.000.000.000 VND, được chia thành 250.000.000 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.500.000.000.000 VND được chia thành 150.000.000 cổ phần), trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nắm giữ là 1.030.222.220.000 VND, chiếm 41,21% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 866.518.500.000 VND, chiếm 57,77%), còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 461 người (31 tháng 12 năm 2009: 1.082 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp và kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	5 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.191.184.486	6.732.559.912
Tiền gửi ngân hàng	186.707.408.755	173.269.492.355
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	-
	<u>200.898.593.241</u>	<u>180.002.052.267</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng số 56/2010/PVC/UTQLV-TD ngày 28 tháng 12 năm 2010.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	474.289.083.699	26.911.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(23.910.550.000)	-
	<u>450.378.533.699</u>	<u>26.911.500.000</u>

- (i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty sau:

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	34.318.113.699
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)	16.497.220.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Worleypasons Dầu khí Việt Nam	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID)	50.843.200.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác cảng Phước An (PAP)	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	53.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)	118.510.550.000
	<u>474.289.083.699</u>

Theo Biên bản số 334/BB-DKVN ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về việc tái cơ cấu Tập đoàn, Tổng Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty này trong năm tới.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	701.210.001.978	254.193.394.159
Trả trước cho người bán	677.033.777.784	669.013.408.483
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	36.550.462.929	139.325.126.974
Phải thu khác (i)	815.629.424.582	168.050.566.402
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.140.995.860)	(8.142.969.259)
	<u>2.203.282.671.413</u>	<u>1.222.439.526.759</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i) Phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chủ yếu bao gồm các khoản sau:

	<u>Số tiền</u>
	VND
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để IDICO Long Sơn nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt.	304.707.415.833
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVIN nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.	140.660.487.797
- Khoản tiền Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) khi PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của PVC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9.	74.377.632.106
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC Thanh Hóa) từ việc chuyển giao Dự án Nghi Sơn.	65.664.533.357
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để Petroland nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.	60.874.469.227
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVC-SG nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.	40.677.599.566
- Khoản tiền Tổng Công ty mua 4.374.982 cổ phần của Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) nhưng chưa về đến tài khoản của	48.124.800.000
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9.	22.855.216.971
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán cho các nhà thầu phụ tại công trình Cảng đạm Phú Mỹ phải thu lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG).	136.622.702

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	2.496.082.591
Công cụ, dụng cụ	-	641.337.509
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	66.600.155.859	282.669.153.987
Hàng hóa	11.962.100.851	12.899.131.509
	<u>78.562.256.710</u>	<u>298.705.705.596</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.797.031.554)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>78.562.256.710</u>	<u>295.908.674.042</u>

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.797.031.554 VND (năm 2009: 0 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	11.222.954.270	212.755.971.056	89.204.448.228	9.647.856.571	-	322.831.230.125
Tăng do mua sắm	23.958.196.091	539.545.454	3.161.700.727	10.578.107.460	88.910.909	38.326.460.641
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	12.124.202.438	-	-	-	-	12.124.202.438
Thanh lý, nhượng bán	(3.686.107.407)	(431.181.818)	(1.103.173.118)	(1.917.341.945)	-	(7.137.804.288)
Giảm do góp vốn vào Công ty cổ phần (i)	(15.659.615.697)	(209.650.839.578)	(79.783.896.277)	(2.479.311.520)	-	(307.573.663.072)
Giảm khác	-	-	-	-	(88.910.909)	(88.910.909)
Tại ngày 31/12/2010	<u>27.959.629.695</u>	<u>3.213.495.114</u>	<u>11.479.079.560</u>	<u>15.829.310.566</u>	<u>-</u>	<u>58.481.514.935</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	4.469.317.812	25.560.351.130	18.578.834.588	4.498.745.317	-	53.107.248.847
Khấu hao trong năm	504.057.662	636.628.614	1.493.845.204	2.525.720.882	18.523.106	5.178.775.468
Thanh lý, nhượng bán	(1.738.110.352)	(42.235.689)	(375.094.588)	(360.929.849)	-	(2.516.370.478)
Giảm do góp vốn vào Công ty cổ phần (i)	(2.117.815.230)	(24.859.643.087)	(16.807.441.912)	(1.206.816.199)	-	(44.991.716.428)
Giảm khác	-	-	-	-	(18.523.106)	(18.523.106)
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.117.449.892</u>	<u>1.295.100.968</u>	<u>2.890.143.292</u>	<u>5.456.720.151</u>	<u>-</u>	<u>10.759.414.303</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	<u>26.842.179.803</u>	<u>1.918.394.146</u>	<u>8.588.936.268</u>	<u>10.372.590.415</u>	<u>-</u>	<u>47.722.100.632</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>6.753.636.458</u>	<u>187.195.619.926</u>	<u>70.625.613.640</u>	<u>5.149.111.254</u>	<u>-</u>	<u>269.723.981.278</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

- (i) Theo Quyết định số 599/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Chi nhánh Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Quyết định số 666/QĐ-XLKD ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội và Biên bản bàn giao số 3050/BB-XLKD-TCKT ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Theo Quyết định số 600/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Chi nhánh Thi công cơ giới Dầu khí, Quyết định số 665/QĐ-XLKD ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí và Biên bản bàn giao số 3049/BB-XLKD-TCKT ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 0 VND (31 tháng 12 năm 2009 là 190.930.384.000 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.141.761.494 VND (năm 2009: 6.804.000.000 VND).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2010	6.123.828.270
Tại ngày 31/12/2010	<u>6.123.828.270</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2010	68.983.214
Khấu hao trong năm	984.478.296
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.053.461.510</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.070.366.760</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>6.054.845.056</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2010	593.009.790
Tăng do mua sắm trong năm	2.728.789.500
Tăng khác	85.262.150
Giảm khác	(99.262.150)
Thanh lý, nhượng bán	(85.262.150)
Tại ngày 31/12/2010	<u>3.222.537.140</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2010	189.949.574
Tăng khác	23.790.126
Khấu hao trong năm	277.890.564
Giảm khác	(45.855.257)
Tại ngày 31/12/2010	<u>445.775.007</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	<u>2.776.762.133</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>403.060.216</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	129.499.664.128	43.454.729.780
Trong đó (những công trình lớn)	129.499.664.128	43.454.729.780
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang	115.535.496.269	-
- Xưởng cơ khí vật liệu xây dựng-Ban Dung Quất	-	12.124.202.438
- Dự án Tiền Giang	8.485.493.496	7.854.449.405
- Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	-
- Công trình nhà làm việc và nhà kho ngõ 86 Chùa Hà	684.822.103	-
- Các công trình khác	909.867.275	23.476.077.937
	129.499.664.128	43.454.729.780

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i)	Hà Nội	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (i)	Cần Thơ	50%	50%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino) (i)	Hà Nội	36%	36%	Kinh doanh máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) (i)	Quảng Ninh	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land) (i)	Hà Nội	50%	50%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

(i): Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù sở hữu nhỏ hơn và bằng 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này bằng quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về việc: Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Hồ Chí Minh	30%	30%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	26%	26%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	31%	31%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	Hà Nội	20%	20%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Hồ Chí Minh	29%	29%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh VIETUBES	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí	Tiền Giang	27%	27%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC- FECON	Hà Nội	25%	25%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	39%	39%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	36%	36%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (i)	582.477.617.233	334.565.000.000
	<u>582.477.617.233</u>	<u>334.565.000.000</u>

(i): Trong đó, một số khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu như sau:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với số tiền 147.300.000.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 147.300.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ).
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long Sơn với số tiền 136.068.065.000 VND, tương đương 16% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 120.000.000.000 VND, tương đương 14,51% vốn điều lệ).
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Land) với số tiền 86.100.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam với số tiền 62.125.000.000 VND, tương đương 17,75% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Sông Hồng với số tiền 33.700.000.000 VND, tương đương 11,23% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc với số tiền 23.500.000.000 VND, tương đương 15,67% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco với số tiền 10.200.000.000 VND tương đương 17,63% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 10.200.000.000 VND, tương đương 17,63% vốn điều lệ).
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Hồng với số tiền 2.447.988.800 VND, tương đương 1,22% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 13.500.000.000 VND, tương đương 9% vốn điều lệ).

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	127.481.643.166	140.583.974.818
Chi phí dài hạn khác	22.499.950.111	45.549.648.744
	<u>149.981.593.277</u>	<u>186.133.623.562</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.340.458.597.941	336.781.252.040
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) (i)	169.181.321.383	102.255.246.162
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	30.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	25.934.575.624	37.837.700.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Cầu Giấy	-	30.212.273.214
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội	-	52.918.492.744
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Mỹ Đình	-	19.888.773.609
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Sở Giao dịch	-	63.668.766.311
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	946.097.418.550	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) (iv)	128.061.882.498	-
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (v)	71.183.399.886	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	24.559.473.752	33.063.688.752
	<u>1.365.018.071.693</u>	<u>369.844.940.792</u>

- (i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 169.181.321.383 VND theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 27/TDHM-NH/TD10 ngày 21 tháng 4 năm 2010. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được vay dưới hình thức tín chấp và không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được hai bên thỏa thuận tại thời điểm giải ngân (lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 10,5%/năm đến 15,5%/năm).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25.934.575.624 VND. Theo công văn số 5463/CV-NHCT5 ngày 19 tháng 8 năm 2009 về việc duyệt giới hạn tín dụng đối với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, giới hạn tín dụng là 596.416.000.000 VND, trong đó giới hạn cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động là 55.000.000.000 VND, giới hạn bảo lãnh là 240.000.000.000 VND, giới hạn cho vay trung hạn là 301.416.000.000 VND cho dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công. Biện pháp bảo đảm tiền vay: tiền vay ngắn hạn không có tài sản bảo đảm, tiền vay trung hạn bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai. Lãi suất ngân hàng tại thời điểm nhận nợ vay, lãi suất có điều chỉnh khi có văn bản điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam trong thời hạn tín dụng hiệu lực của hợp đồng cụ thể. Các khoản vay ngắn hạn này được ký kết theo từng lần nhận nợ để thanh toán cho từng công trình. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 10,3%/năm đến 12%/năm.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản vay sau:
- Theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 793.097.418.550 VND, mục đích vay dùng để thanh toán và bù đắp thanh toán các khoản đầu tư nhận chuyển nhượng từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo các Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng và các Phụ lục hợp đồng, theo Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng tín dụng này. Biện pháp đảm bảo khoản vay là tất cả các tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Lãi suất vay 5,5%/năm, tính trên dư nợ vay và thời gian vay thực tế. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Trả nợ gốc một lần vào ngày đáo hạn của khoản vay này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- Theo Hợp đồng tín dụng số 11/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 28 tháng 10 năm 2010, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 153.000.000.000 VND. Mục đích vay dùng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An. Biện pháp đảm bảo khoản vay là tất cả các tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam. Lãi suất cho khoản vay này là 5,5%/năm.

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 128.061.882.498 VND theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1878/HDTDVIB02/10 ngày 19 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này dùng để thanh toán theo các Hợp đồng thầu phụ thuộc Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng, Nhà máy Nhựa Polypropylene Dung Quất, Nhà máy sản xuất Nhiên liệu sinh học Ethanol. Khoản vay này được vay dưới hình thức tín chấp và không có tài sản đảm bảo. Lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13%/năm đến 14%/năm, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 3 tháng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam cộng (+) biên độ lãi suất tối thiểu là 2% đến 2,2%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam tại từng thời kỳ.

(v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 71.183.399.886 VND theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 25 tháng 5 năm 2010 giữa Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này dùng để thanh toán cho nhà thầu phụ của dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2. Biện pháp để bảo đảm khoản vay là khoản phải thu của Tổng Công ty từ Nhà đầu tư dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay, lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 11,2%/năm đến 12,5%/năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	736.067.139	8.773.899.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.759.232.253	32.735.915.354
Thuế thu nhập cá nhân	908.568.137	403.722.048
Thuế và các khoản phải nộp khác	13.455.571	3.646.197.400
	<u>15.417.323.100</u>	<u>45.559.733.821</u>